

Bản án số: **09/2023/KDTM-PT**

Ngày: 28-7-2023

V/v “*Tranh chấp Hợp đồng
cho thuê tài chính*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tấn Lợi

Các Thẩm phán: Ông Lê Hồng Nước

Ông Nguyễn Chí Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Diệu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14/7/2023 và ngày 28/7/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 09/2023/TLPT-KDTM ngày 07 tháng 6 năm 2023, về việc “*Tranh chấp Hợp đồng cho thuê tài chính*”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 03/2022/DS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 317/2023/QĐ-PT ngày 22 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty C1;

Người đại diện theo pháp luật: Ông C, Y - C, chức vụ: Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Lê Đức T, sinh năm 1990, chức vụ: Phó Trưởng Phòng thu hồi công nợ (có mặt);

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng B, cao ốc S, số C, Tôn Đức T1, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Nguyễn Văn B, sinh năm 1961 - Chủ hộ kinh doanh Đăng Khoa (Nay là Công ty cổ phần X) (có mặt);

Địa điểm kinh doanh: Tỉnh lộ 852, ấp Tân Lộc B, xã Tân Dương, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp;

HKTT: Số 307, Phú Thọ Hòa, phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú, Thành

phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ tạm trú: Số A, tỉnh lộ 8, ấp A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1963;

Người đại diện theo ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Thanh H: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1961;

HKTT: Số C, P, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ tạm trú: Số H, Tỉnh lộ 15, ấp A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh;

3.2. Đào Thị B1, sinh năm 1979 (có mặt);

Địa chỉ: Số D, ấp T, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3.3. Trần Văn S, sinh năm 1980 (vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Số I, đường M, phường Đ, quận D, thành phố Hải Phòng.

3.4. Nguyễn Hải Đ, sinh năm 1990 (vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

HKTT: Số C, P, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ tạm trú: Số H, Tỉnh lộ 15, ấp A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người kháng cáo: Anh Trần Văn S là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C1 có người đại diện hợp pháp là anh Lê Đức T trình bày:

Do ông Nguyễn Văn B - Chủ hộ kinh doanh Đăng Khoa (còn viết tắt là ông B hay Chủ hộ kinh doanh Đăng Khoa) nay là Công ty cổ phần X chi nhánh ở T, tỉnh Đồng Tháp có nhu cầu sử dụng máy móc thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình và có đề nghị Công ty C1 (còn viết tắt là Công ty C1) tài trợ tài chính, nên hai bên đã ký kết Hợp đồng cho thuê tài chính số: B1801044C2 ký ngày 11/01/2018 (còn viết tắt là Hợp đồng thuê). Theo đó, tài sản mà Chủ hộ kinh doanh Đăng Khoa có nhu cầu thuê tài chính là:

STT	Tên tài sản	Số lượng
1	Máy xát trắng gạo CD100, năng suất: 6 - 8 tấn/giờ	02
2	Máy đánh bóng gạo, năng suất: 8 - 10 tấn/giờ	01
3	Máy đánh bóng gạo, năng suất: 4 - 6 tấn/giờ	04

4	Thùng chứa gạo, kích thước: 12 x 3 x 5.4, năng suất chứa: 200 tấn	01
5	Thùng chứa gạo, kích thước: 2x4x6 m, năng suất chứa: 100 tấn	01
6	Cân tự động, kích thước: DxRx C: 600x1200x700, năng suất: 40 tấn/giờ	01
7	Cân tự động, kích thước: DxRx C 2000x2000x4500, năng suất: 30 - 40 tấn/giờ	01
8	Thùng sấy gạo nhỏ, đường kính: 2500x6400, năng suất: 8 tấn/giờ	01
9	Thùng sấy gạo lớn, đường kính: 3500x6400, năng suất: 12 tấn/giờ	04
10	Trống phân hạt, năng suất: 8 tấn/giờ	02
11	Băng tải nhập gạo 13m	01
12	Băng tải gạo 29m	01
13	Băng tải gạo 35m	01

(13 danh mục tài sản trên còn viết tắt là tài sản thuê).

Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền thuê của Chủ hộ kinh doanh Đăng Khoa theo Hợp đồng thuê, Công ty C1 chấp nhận Thư bảo lãnh thanh toán của cá nhân bà Nguyễn Thị Thanh H ký ngày 11/01/2018. Theo đó, trường hợp Chủ hộ kinh doanh Đăng K không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo Hợp đồng thuê thì bà H cam kết sẽ thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê thay cho Chủ hộ kinh doanh Đăng Khoa.

Để thực hiện Hợp đồng thuê nêu trên, Công ty C1 đã ký hợp đồng mua bán vào ngày 16/01/2018 để mua các tài sản cho thuê tài chính nêu trên và cho Chủ hộ kinh doanh Đăng Khoa thuê tài chính đối với các tài sản này. Chủ hộ kinh doanh Đăng K đã ký Biên bản bàn giao và nghiệm thu Tài sản thuê vào ngày 18/01/2018. Tổng giá trị của các tài sản thuê là 3.558.500.000 đồng, trong đó, Chủ hộ kinh doanh Đăng Khoa đã trả trước là 889.625.000 đồng, Công ty C1 tài trợ vốn (còn viết tắt là giá trị thuê) là 2.668.875.000 đồng. Thời hạn thuê là 36 tháng, kể từ ngày 18/01/2018 đến ngày 20/01/2021. Lãi suất thuê theo Hợp đồng thuê là lãi suất thả nổi, được tính dựa trên lãi suất tiêu chuẩn VND của Công ty C2 với biên độ là cộng (+) 2.2%/năm. Theo đó, mức lãi suất tại ngày bắt đầu thuê là $7.33\% + 2.2\% = 9.53\%/năm$.

Hàng tháng, Chủ hộ kinh doanh Đăng Khoa phải thanh toán cho Công ty C1 tiền thuê bao gồm một phần vốn gốc và khoản tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ số tiền vốn gốc mà Công ty C1 đã tài trợ cùng các khoản lãi theo Hợp đồng thuê. Trước khi Chủ hộ kinh doanh Đăng Khoa trả hết toàn bộ vốn gốc cùng các khoản lãi, Công ty C1 vẫn là chủ sở hữu của tài sản thuê

và là người đứng tên trên toàn bộ các hóa đơn, chứng từ, các giấy tờ pháp lý khác liên quan đến quyền sở hữu... đối với tài sản thuê. Căn cứ theo các quy định pháp luật hiện hành và Điều 26 của Hợp đồng thuê, nếu Chủ hộ kinh doanh Đăng Khoa vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê, hay vi phạm bất cứ một điều khoản hoặc điều kiện nào của Hợp đồng thuê, hay bị mất khả năng thanh toán, Công ty C1 đều có quyền chấm dứt Hợp đồng thuê trước thời hạn, thu hồi tài sản thuê và yêu cầu Chủ hộ kinh doanh Đăng Khoa bồi thường thiệt hại (nếu có).

Quá trình thực hiện Hợp đồng thuê, sau khi thanh toán được 25 tháng tiền thuê tài chính, Chủ hộ kinh doanh Đăng Khoa ngừng thanh toán kể từ kỳ tiền thuê thứ 26 (kỳ tháng 3/2020). Ngày 15/5/2020, Công ty C1 có buổi làm việc trực tiếp với ông B - Chủ hộ kinh doanh Đăng Khoa. Theo đó, ông B có cam kết sẽ thanh toán dứt điểm nợ quá hạn, cũng như nợ đến hạn cho Công ty C1 (theo biên bản làm việc ngày 15/5/2020). Tuy nhiên, ông B vẫn không thanh toán cho Công ty C1 như cam kết.

Do Chủ hộ kinh doanh Đăng Khoa đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê quy định tại Điều 26 của Hợp đồng thuê, vào ngày 23/6/2020, Công ty C1 đã phát hành Thông báo chấm dứt Hợp đồng thuê và thu hồi tài sản thuê, yêu cầu ông B thanh toán tổng số tiền còn thiếu theo Hợp đồng thuê tính đến ngày 26/6/2020 (ngày chính thức chấm dứt Hợp đồng thuê) là 893.507.446 đồng. Sau khi chấm dứt Hợp đồng thuê, Công ty C1 đã nhiều lần liên hệ với Chủ hộ kinh doanh Đăng Khoa để yêu cầu thanh toán các khoản tiền thuê còn nợ. Tuy nhiên, cho đến nay, Chủ hộ kinh doanh Đăng Khoa không thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền thuê nào và cũng không đồng ý tự nguyện giao trả lại tài sản thuê cho Công ty C1. Kể từ khi bắt đầu thuê cho đến nay, tổng số tiền thuê mà Chủ hộ kinh doanh Đăng K đã trả cho Công ty C1 là 2.238.597.644 đồng, trong đó: trả nợ gốc là 1.876.582.007 đồng và trả nợ lãi là 362.015.637 đồng.

Nay, Công ty C1 yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lai Vung giải quyết những nội dung sau:

- + Buộc ông Nguyễn Văn B - Chủ hộ kinh doanh Đăng Khoa thanh toán cho Công ty C1 số tiền thuê còn nợ tính đến ngày 25/11/2022 còn nợ lại là 738.588.797 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 436.442.993 đồng; Nợ lãi trong hạn tính đến ngày 26/6/2020 là 101.214.453 đồng; Nợ lãi chậm trả từ ngày 26/6/2020 đến ngày 25/11/2022 là: 200.931.351 đồng.

- + Buộc Chủ hộ kinh doanh Đăng Khoa thanh toán cho Công ty C1 tiền lãi phát sinh sau ngày 25/11/2022 tính trên nợ gốc với mức lãi suất chậm trả thỏa thuận tại hợp đồng cho thuê tài chính cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

- + Trường hợp Chủ hộ kinh doanh Đăng Khoa không thanh toán đầy đủ số tiền thuê còn nợ nêu trên, buộc Chủ hộ kinh doanh Đăng Khoa giao trả tài sản

thuê như nêu trên cho Công ty C1 để thanh lý, thu hồi nợ

+ Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý các tài sản thuê trên không đủ để trừ nợ thì buộc Chủ hộ kinh doanh Đăng Khoa có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán số nợ còn thiếu.

+ Trường hợp Chủ hộ kinh doanh Đăng Khoa không thanh toán đầy đủ khoản tiền nêu trên, buộc bà Nguyễn Thị Thanh H1 có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty C1 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn B - Chủ hộ kinh doanh Đăng Khoa đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh H trình bày: Ông B và bà H cùng thống nhất thừa nhận có ký vào các hợp đồng cho thuê tài chính và bà H thừa nhận có ký vào hợp đồng bảo lãnh cá nhân cho khoản vay của ông B. Qua yêu cầu của Công ty C1 ông B và bà H đều thống nhất đồng ý. Đối với phần trình bày của bà B1 thì trước đây do ông B có thiếu tiền bà B1, nên ông B có làm giấy chuyển nhượng máy móc và kho bãi tại nhà máy T2 cho ông S, bà B1. Các bên thỏa thuận sẽ trả nợ Ngân hàng và Công ty C1 để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng (còn viết tắt là QSD) đất ra làm thủ tục sang tên nhưng bên bà B1, ông S không thực hiện nên không tiến hành làm như thỏa thuận.

Hiện nay ông B còn thiếu bà B1 số tiền 25.181.789.650 đồng, trong đó có cả vốn và lãi. Hiện giấy chứng nhận QSD đất tại thửa 27, tờ bản đồ số 18, thửa 18, thửa 119, thửa 142, thửa 11 ông B đang thế chấp tại Ngân hàng V tại Thành phố Hồ Chí Minh. Trong hợp đồng thế chấp chỉ thế chấp QSD đất còn tài sản thuê thì ông B không có thế chấp. Nay ông B đồng ý trả tiền cho bà B1 nếu bà B1 có yêu cầu, còn việc chuyển nhượng đất như thỏa thuận thì không đồng ý. Ông B xác định không có giao dịch vay tiền với ông S mà chỉ giao dịch với bà B1.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị B1 trình bày: Trước đây ông S và ông B, con ông B là anh Nguyễn Hải Đ, vợ ông B là bà Nguyễn Thị Thanh H ký vào giấy chuyển nhượng QSD đất và bán tài sản kho bãi ngày 05/10/2020 để bán các tài sản thuê trên cho ông S nhưng nay ông B không đồng ý thì quyền yêu cầu giải quyết như thế nào là do ông S quyết định, bà B1 không có ý kiến. Việc ông B trình bày là các bên thỏa thuận trả tiền cho Công ty cho thuê tài chính và Ngân hàng để lấy giấy chứng nhận QSD đất ra làm thủ tục chuyển nhượng là đúng, nhưng sau đó ông B đòi nhận tiền mặt mà không thông qua việc bà B1 trả trực tiếp cho Ngân hàng nên không thực hiện thỏa thuận được. Kể từ ngày tiếp nhận máy móc bà B1 không có tu bổ và mua máy móc bổ sung gì thêm, hiện nhà máy đang đóng cửa. Trong vụ án này bà B1 không tranh chấp hay yêu cầu gì vì tiền này là của ông S. Bà B1 chỉ là người đứng ra giao dịch với ông B.

Tài sản, máy móc thiết bị ông B và bà H, anh Đ đã ký giấy bán cho ông S, bà B1, nên bà B1 yêu cầu ông B có trách nhiệm trả tiền cho bên cho Công ty C1. Bà B1, ông S không đồng ý giao lại tài sản máy móc cho cơ quan Thi hành án do gia đình ông B đã ký giấy bán cho ông S, bà B1 t nợ. Đó là ý kiến của bà B1 còn làm đơn khởi kiện và nộp tạm ứng án phí thì do ông S quyết định.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn S trình bày: Trước đây ông S và bà Đào Thị B1 có cùng góp chung tiền buôn bán gạo ở kho của ông Nguyễn Văn B. Quá trình làm ăn ông B đã vay số tiền 25.181.789.650 đồng và hứa nhiều lần không thực hiện việc trả nợ. Đến ngày 05/10/2020 ông B cùng vợ là bà Nguyễn Thị Thanh H, con là anh Nguyễn Hải Đ đồng ý ký giấy chuyển nhượng toàn bộ QSD đất, nhà xưởng, thiết bị máy móc nằm trên đất cho ông S để trả nợ. Nay ông S cũng vẫn giữ đất đai, nhà xưởng cho đến khi ông B thực hiện việc trả nợ đủ số tiền trên thì ông S đồng ý trả lại tài sản trên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hải Đ: Đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến phản bác hay yêu cầu gì trong vụ án.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 03/2022/KDTM-ST ngày 25 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung đã xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty C1 về việc yêu cầu đòi với ông Nguyễn Văn B - Chủ hộ kinh doanh Đăng Khoa (Nay là Công ty cổ phần X), trả vốn vay và lãi tổng cộng là 738.588.797 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 436.442.993 đồng; Nợ lãi trong hạn tính đến ngày 26/6/2020 là 101.214.453 đồng; Nợ lãi chậm trả từ ngày 26/6/2020 đến ngày 25/11/2022 là: 200.931.351 đồng) và tiền lãi phát sinh sau ngày 25/11/2022 tính trên nợ gốc với mức lãi suất chậm trả thỏa thuận tại Hợp đồng cho thuê tài chính cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Ông Nguyễn Văn B có nghĩa vụ trả cho Công ty C1 vốn là 738.588.797 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 436.442.993 đồng; Nợ lãi trong hạn tính đến ngày 26/6/2020 là 101.214.453 đồng; Nợ lãi chậm trả từ ngày 26/6/2020 đến ngày 25/11/2022 là 200.931.351 đồng) và tiền lãi phát sinh sau ngày 25/11/2022 tính trên nợ gốc với mức lãi suất chậm trả thỏa thuận tại hợp đồng cho thuê tài chính cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Trong trường hợp ông Nguyễn Văn B không thanh toán đầy đủ khoản vay nêu trên thì bà Nguyễn Thị Thanh H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty C1 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ trên.

Khi ông Nguyễn Văn B thanh toán xong các khoản nợ trên thì Công ty C1 trả lại cho ông Nguyễn Văn B các tài sản đã ký bán cho Công ty C1.

2. Tuyên bố Hợp đồng mua bán trong nước số B1801044C2-PC, ngày 16/01/2018 được ký kết giữa Công ty C1 và Nguyễn Văn B đại diện chủ hộ kinh doanh Đăng Khoa nay là Công ty Cổ phần X có hiệu lực.

Buộc Đào Thị B1, Trần Văn S phải trả lại các tài sản gồm:

STT	Tên tài sản	Số lượng
1	Máy xát trắng gạo CD100, năng suất: 6 - 8 tấn/giờ	02
2	Máy đánh bóng gạo, năng suất: 8 - 10 tấn/giờ	01
3	Máy đánh bóng gạo, năng suất: 4 - 6 tấn/giờ	04
4	Thùng chứa gạo, kích thước: 12 x 3 x 5.4, năng suất chứa: 200 tấn	01
5	Thùng chứa gạo, kích thước: 2x4x6 m, năng suất chứa: 100 tấn	01
6	Cân tự động, kích thước: DxRxC: 600x1200x700, năng suất: 40 tấn/giờ	01
7	Cân tự động, kích thước: DxRxC 2000x2000x4500, năng suất: 30 - 40 tấn/giờ	01
8	Thùng sấy gạo nhỏ, đường kính: 2500x6400, năng suất: 8 tấn/giờ	01
9	Thùng sấy gạo lớn, đường kính: 3500x6400, năng suất: 12 tấn/giờ	04
10	Trống phân hạt, năng suất: 8 tấn/giờ	02
11	Băng tải nhập gạo 13m	01
12	Băng tải gạo 29m	01
13	Băng tải gạo 35m	01

Cho ông Nguyễn Văn B.

Trường hợp ông Nguyễn Văn B - Chủ hộ kinh doanh Đăng Khoa không thanh toán đầy đủ số tiền còn nợ như trên thì buộc ông Nguyễn Văn B giao trả tài sản (gồm 13 danh mục tài sản) đã ký bán cho Công ty C1 để thanh lý thu hồi nợ.

3. Về án phí và chi phí thẩm định:

- Về án phí:

+ Ông Nguyễn Văn B phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là 33.544.000đ (Ba mươi ba triệu, năm trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

+ Hoàn trả cho Công ty C1 19.719.000 đồng tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án theo biên lai số 0010868, ngày 10/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- Về chi phí thẩm định:

Công ty C1 tự nguyện chịu chi phí thẩm định là 200.000 đồng (đã nộp và chi xong).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24/4/2023 ông Trần Văn S nộp Đơn kháng cáo đề ngày 12/4/2023 để kháng cáo bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 03/2022/KDTM-ST ngày 25 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, ông S không đồng ý giao các tài sản gồm 13 danh mục đã thế chấp Công ty C1, vì những tài sản nhà máy ông Nguyễn Văn B đã bán cho ông S.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn S vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Ông S yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông S.

- Nguyên đơn Công ty C1 trình bày: Tài sản thuê (13 danh mục tài sản nêu trên) là thuộc quyền sở hữu của nguyên đơn, nên việc ông B bán tài sản thuê cho ông Trần Văn S và bà Đào Thị B1 là trái pháp luật, vì vậy yêu cầu Hội đồng xét xử không công nhận hợp đồng chuyển nhượng QSD đất và bán tài sản kho bãi ngày 05/10/2020 giữa ông B, vợ con ông B với ông S, đồng thời không chấp nhận kháng cáo của ông S.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn B - Chủ hộ kinh doanh Đăng Khoa đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh H trình bày: Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thống nhất với bản án sơ thẩm. Đối với Giấy chuyển nhượng QSD đất và bán tài sản kho bãi ngày 05/10/2020 được ký giữa gia đình ông B với ông S là do ông B bị ông S ép buộc ký. Ông B không thống nhất đối với yêu cầu kháng cáo của ông S, yêu cầu Hội đồng xét xử buộc ông S và bà B1 có nghĩa vụ giao 13 danh mục tài sản nêu trên cho Công ty C1 để thu hồi nợ của ông B.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị B1 trình bày: Số tiền ông Nguyễn Văn B nợ 25.181.789.650 đồng là do ông Trần Văn S chuyển cho bà B1 để đứng ra giao dịch với ông B, nên quyền quyết định là của ông S. Bà B1 thống nhất với yêu cầu kháng cáo của ông S.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thủ tục kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn S thực hiện đúng quy định và hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm đã chấp hành và thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Người tham gia

tổ tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tổ tụng theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn S; tuyên xử giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 03/2022/KDTM-ST ngày 25 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Lai Vung thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại về việc “*Tranh chấp Hợp đồng cho thuê tài chính*” là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án. Sau khi xét xử sơ thẩm ông Trần Văn S không thống nhất bản án sơ thẩm nên đã kháng cáo. Do ông S vắng mặt khi xét xử sơ thẩm vào ngày 25/11/2022, đến ngày 22/3/2023 ông S mới nhận được bản án sơ thẩm, ngày 04/4/2023 ông S nộp đơn kháng cáo đề ngày 23/3/2023, sau đó Tòa án sơ thẩm ra Thông báo yêu cầu ông S sửa đổi, bổ sung Đơn kháng cáo số 04/TB-TA ngày 04/3/2023, ông S sửa đổi Đơn kháng cáo ngày 12/4/2023 và nộp Đơn kháng cáo cho Tòa án sơ thẩm vào ngày 24/4/2023 (gửi bằng đường bưu điện). Việc ông S nộp Đơn kháng cáo đề ngày 12/4/2023 vào ngày 24/4/2023 đã được Tòa án chấp nhận, được xét là trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án: Công ty C1 và ông Nguyễn Văn B - Chủ hộ kinh doanh Đăng Khoa nay là Công ty cổ phần X chi nhánh ở T, tỉnh Đồng Tháp (còn viết tắt là ông Nguyễn Văn B hay Chủ hộ kinh doanh Đăng Khoa) ký kết Hợp đồng cho thuê tài chính ngày 11/01/2018 (còn viết tắt là Hợp đồng cho thuê tài chính). Nhằm đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền thuê của ông B theo Hợp đồng cho thuê tài chính, Công ty C1 chấp nhận Thư bảo lãnh thanh toán của cá nhân bà Nguyễn Thị Thanh H (vợ ông B) ký ngày 11/01/2018. Để thực hiện Hợp đồng cho thuê tài chính, Công ty C1 đã ký hợp đồng mua bán ngày 16/01/2018 với Công ty TNHH X1 để mua các tài sản cho thuê tài chính và giao cho ông B thuê. Tổng giá trị của các tài sản thuê là 3.558.500.000 đồng, trong đó, phía ông B đã trả trước là 889.625.000 đồng, Công ty C1 tài trợ vốn là 2.668.875.000 đồng. Thời hạn thuê là 36 tháng, kể từ ngày 18/01/2018 đến ngày 20/01/2021. Lãi suất thuê

theo Hợp đồng cho thuê tài chính là lãi suất thả nổi, được tính dựa trên lãi suất tiêu chuẩn VND của Công ty C2 với biên độ là cộng (+) 2.2%/năm, theo đó, mức lãi suất tại ngày bắt đầu thuê là $7.33\% + 2.2\% = 9.53\%/năm$. Quá trình thực hiện Hợp đồng cho thuê tài chính, sau khi thanh toán được 25 tháng tiền thuê tài chính, ông B đã ngừng thanh toán kể từ kỳ tiền thuê thứ 26 (kỳ tháng 3/2020). Ngày 15/5/2020 ông B ký cam kết sẽ thanh toán dứt điểm nợ quá hạn, cũng như nợ đến hạn cho Công ty C1 (theo biên bản làm việc ngày 15/5/2020). Do phía ông B không thanh toán cho Công ty C1 đúng như cam kết, nên đã phát sinh tranh chấp giữa các đương sự.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C1 như nêu trên. Xét thấy là có cơ sở. Bởi lẽ: Cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận việc các bên ký kết hợp đồng với nhau là trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, các bên tham gia giao dịch đều có mục đích lợi nhuận, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, ngoài ra ông B và bà H đã thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét đây là ý chí tự nguyện của đương sự, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, nên Tòa án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp. Đối với các tài sản thuê do vẫn thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty C1, việc ông B và vợ con ông B ký bán các tài sản này cho ông Trần Văn S là trái pháp luật, vì vậy việc Tòa án sơ thẩm buộc ông Trần Văn S và bà Đào Thị B1 là người đang trực tiếp quản lý tài sản phải giao lại cho ông B là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn S yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, ông S không đồng ý giao các tài sản gồm 13 danh mục đã thế chấp Công ty C1, vì những tài sản này hộ ông B đã bán cho ông S. Xét thấy là không có cơ sở. Bởi lẽ: Công ty C1 đã ký hợp đồng mua bán ngày 16/01/2018 với Công ty TNHH X1 để mua các tài sản cho thuê tài chính và giao cho ông B thuê là hợp pháp, xác định tài sản thuộc quyền sở hữu của nguyên đơn. Việc ông S và bà B1 không đồng ý giao tài sản thuê nêu trên lại cho ông B để ông B thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Công ty C1 là trái quy định pháp luật, vì các tài sản đảm bảo trên đã được các bên tham gia giao dịch đăng ký tại Trung tâm Đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh - Cục Đ1 thuộc Bộ Tư pháp ngày 23/01/2018 đối với Hợp đồng cho thuê tài chính ngày 11/01/2018 là đúng theo quy định của pháp luật, theo đó tài sản vẫn thuộc quyền sở hữu của bên cho thuê là Công ty C1, chứ không phải thuộc quyền sở hữu của bên thuê là ông B. Nên giao dịch giữa ông S với ông B, con ông B là anh Nguyễn Hải Đ, vợ ông B là bà Nguyễn Thị Thanh H theo Giấy chuyển nhượng QSD đất và bán tài sản kho bãi ngày 05/10/2020 để bán các tài sản trên cho ông S là giao dịch vô hiệu. Do trong vụ án này ông S và bà B1 không

có yêu cầu khởi kiện độc lập, nên trường hợp sau này ông S và bà B1 có tranh chấp đối với khoản tiền vay mà bên ông B đã nợ thì khởi kiện thành vụ kiện khác.

[5] Từ cơ sở trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn S, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, cần điều chỉnh cách tuyên án cho phù hợp.

[6] Đối với quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay như nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên được xem xét chấp nhận.

[7] Về án phí: Do kháng cáo của ông Trần Văn S không được chấp nhận, nên ông S phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn S;

2. Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm;

Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 148, khoản 1 Điều 207, Điều 273 và Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 117, 335, 342, 440, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 24, Điều 50 và Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005; khoản 2 Điều 26 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2.1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty C1 đối với ông Nguyễn Văn B - Chủ hộ kinh doanh Đăng Khoa (Nay là Công ty cổ phần X);

Ông Nguyễn Văn B có nghĩa vụ trả cho Công ty C1 vốn và lãi là 738.588.797 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 436.442.993 đồng; Nợ lãi trong hạn tính đến ngày 26/6/2020 là 101.214.453 đồng; Nợ lãi chậm trả từ ngày 26/6/2020 đến ngày 25/11/2022 là: 200.931.351 đồng) và tiền lãi phát sinh sau ngày 25/11/2022 tính trên nợ gốc với mức lãi suất chậm trả thỏa thuận tại Hợp đồng cho thuê tài chính B1801044 ngày 11/01/2018 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Trong trường hợp ông Nguyễn Văn B không thanh toán đầy đủ khoản nợ như nêu trên thì bà Nguyễn Thị Thanh H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty C1 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ trên.

Khi ông Nguyễn Văn B hay bà Nguyễn Thị Thanh H thanh toán xong các khoản nợ trên thì Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C1 có nghĩa vụ chuyển giao các tài sản thuê với ông Nguyễn Văn B theo thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng cho thuê tài chính số B1801044 ngày 11/01/2018.

2.2. Tuyên bố Hợp đồng mua bán trong nước số B1801044C2-PC, ngày 16/01/2018 được ký kết giữa bên bán là Công ty TNHH X1, bên mua là Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C1 và bên sử dụng là Nguyễn Văn B - Chủ hộ kinh doanh Đăng Khoa (nay là Công ty Cổ phần X) có hiệu lực pháp luật.

Bà Đào Thị B1 và ông Nguyễn Văn S1 có nghĩa vụ phải trả lại các tài sản thuê cho ông Nguyễn Văn B như sau:

STT	Tên tài sản	Số lượng
1	Máy xát trắng gạo CD100, năng suất: 6 - 8 tấn/giờ	02
2	Máy đánh bóng gạo, năng suất: 8 - 10 tấn/giờ	01
3	Máy đánh bóng gạo, năng suất: 4 - 6 tấn/giờ	04
4	Thùng chứa gạo, kích thước: 12 x 3 x 5.4, năng suất chứa: 200 tấn	01
5	Thùng chứa gạo, kích thước: 2x4x6 m, năng suất chứa: 100 tấn	01
6	Cân tự động, kích thước: DxRx C: 600x1200x700, năng suất: 40 tấn/giờ	01
7	Cân tự động, kích thước: DxRx C 2000x2000x4500, năng suất: 30 - 40 tấn/giờ	01
8	Thùng sấy gạo nhỏ, đường kính: 2500x6400, năng suất: 8 tấn/giờ	01
9	Thùng sấy gạo lớn, đường kính: 3500x6400, năng suất: 12 tấn/giờ	04
10	Trống phân hạt, năng suất: 8 tấn/giờ	02
11	Băng tải nhập gạo 13m	01
12	Băng tải gạo 29m	01
13	Băng tải gạo 35m	01

Trường hợp ông Nguyễn Văn B - Chủ hộ kinh doanh Đăng Khoa không thanh toán đầy đủ số tiền còn nợ như trên thì buộc ông Nguyễn Văn B giao trả tài sản (gồm 13 danh mục tài sản) cho Công ty C1 để thanh lý thu hồi nợ.

2.3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm

- Ông Nguyễn Văn B phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 33.544.000đ (Ba mươi ba triệu năm trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

- Hoàn trả cho Công ty C1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.719.000đ (Mười chín triệu bảy trăm mười chín nghìn đồng), theo biên lai số 0010868, ngày 10/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

2.4. Về chi phí thẩm định

Công ty C1 tự nguyện chịu chi phí thẩm định là 200.000 đồng (đã nộp và chi xong).

3. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm

Ông Trần Văn S phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000đ (Hai triệu đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông S đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0015852 ngày 26/4/2023 và 2.700.000đ (Hai triệu bảy trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0015918 ngày 23/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (Do ông Lê Hoàng D nộp thay). Hoàn trả lại cho ông S số tiền thừa là 1.000.000đ (Một triệu đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Trang).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Ngô Tấn Lợi